TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/DS-PT
Ngày: 30 - 9 - 2019
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Ông Khưu Để Dành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 158/2019/TLPT-DS, ngày 15/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST, ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Qu, sinh năm 1940; (có mặt)

Cư trú: Ấp LP, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Ngọc Gi, sinh năm 1966;

2.2 Bà Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1966;

Cùng cư trú: Tổ 7, ấp LT, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Gi, bà Đ là: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1983; cư trú: Số 477A/24, QCT, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thành Qu trình bày:

Vào năm 2017 ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ có vay của ông 02 lần: Lần đầu 20.000.000đ, lần hai 100.000.000đ để mua bán đồ gỗ, làm trại mộc. Đến ngày 25/7/2017 âm lịch ông Gi, bà Đ làm biên nhận nợ số tiền 120.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hẹn 06 tháng trả. Sau khi vay, ông Gi, bà Đ trả lãi được 8.000.000đ thì ngưng không đóng lãi và trả vốn. Ông có đòi nhiều lần, nhưng ông Gi, bà Đ hứa nhưng không thực hiện.

Nay ông yêu cầu ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ trả lại số tiền vay của ông là 120.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ 25/7/2017âl cho đến khi xét xử.

Bị đơn ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày:

Vợ chồng ông có vay của ông Qu 03 lần vào năm 2010, lần đầu vay 20.000.000đ, lần sau là 40.000.000đ, còn những lần sau ông Qu kê lãi lên tổng cộng là 120.000.000đ, nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Lãi suất thỏa thuận 30%/tháng, khi vay không hẹn thời gian trả. Vợ chồng đóng lãi từ năm 2010 đến năm 2011 là 45.000.000đ. Đến năm 2012 thì đóng lãi hạ xuống còn 6%/tháng. Biên nhận do ông Qu ghi, vợ chồng có ký tên vào biên nhận. Vợ chồng sẽ cung cấp chứng cứ, chứng minh việc trả lãi bằng cách lấy đồ trừ nợ trong thời hạn 10 ngày. Hiện vợ chồng còn nợ ông Qu 120.000.000đ và lãi phát sinh.

Vợ chồng ông bà thống nhất trả số nợ này cho ông Qu bằng cách trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Ngày 28/3/2019 ông Qu có ý kiến rút lại không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 120.000.000đ từ ngày 25/7/2017 (al) cho đến khi xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST, ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM đã xử:

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 217, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự

Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Qu.

Buộc ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Qu số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Qu về yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày ngày 04 tháng 6 năm 2019, bị đơn ông Phạm Ngọc Gi và bà Nguyễn Thị Xuân Đ làm đơn kháng cáo một phần nội dung Bản án

dân sự sơ thẩm; xin trả dần cho ông Nguyễn Thành Qu mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa;

Nguyên đơn trình bày, thống nhất án sơ thẩm, không đồng ý cho trả dần theo yêu cầu của bị đơn.

Bị đơn do ông Phúc đại diện theo ủy quyền theo đơn xin vắng mặt, có nội dung xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi xong số tiền nợ ông Qu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án thì thấy, án sơ thẩm xử là có căn cứ, bị đơn kháng cáo xin trả dần, nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm; ông Gi, bà Đ chịu án phí phúc thẩm theo luật đinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Gi, bà Đ kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ lần hai, nguyên đơn có mặt; bị đơn ủy quyền hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Ph tham gia tố tụng có đơn xin vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận, vụ án được tiến hành xét xử theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Qu yêu cầu bị đơn ông Gi, bà Đ trả số tiền vay 120.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; Ông Gi, bà Đ chỉ thừa nhận có vay của ông Qu hai lần với số tiền 60.000.000đ, do ông Qu cộng thêm 60.000.000đ tiền lãi mới thành 120.000.000đ; nên vợ chồng ông Gi, bà Đ thừa nhận còn nợ 60.000.000đ; Cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông Gi bà Đ có trách nhiệm trả cho ông Qu số tiền 120.000.0000đ; sau khi xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Gi, bà Đ kháng cáo thừa nhận nợ 60.000.000đ, kê lãi lên 60.000.000đ; tổng cộng 120.000.000đ nhưng vẫn chấp nhận, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ;

[3.1] Xét nội dung kháng cáo của ông Gi, bà Đ thì thấy, căn cứ biên nhận mượn tiền ngày 25/7/2017 al (có hai biên nhận) thể hiện ông Gi, bà Đ có mượn ông Qu số tiền 120.000.000đ, mục đích vay để mua bán tủ giường, bàn ghế; phù hợp với lời trình bày tại biên bản đối chất ngày 28/3/2019, ông Gi, bà Đ thừa nhận có vay của ông Qu 3 lần tổng cộng 120.000.000đ; Tại nội dung kháng cáo ông Gi,

bà Đ trình bày trong 120.000.000đ có 60.000.000đ tiền lãi, nhưng vẫn đồng ý trả 120.000.000đ xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ;

[3.2] Việc ông Gi, bà Đ nại ra rằng có tiền lãi 60.000.000đ, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng có giá trị pháp lý cho lời khai nại này; ông Qu không thừa nhận có tiền lãi nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.3] Tại đơn xin xét xử vắng mặt phúc thẩm, ông Phúc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng chỉ xin trả dần cho ông Qu mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ; việc xin trả dần của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.4] Các phần còn lại của án sơ không kháng cáo, không kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; án sơ thẩm xử là có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Gi, bà Đ; giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Gi, bà Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST, ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Qu.

Buộc ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Qu số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Qu về yêu cầu tính lãi.

Án phí dân sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

Ông Nguyễn Thành Qu thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc Gi, bà Nguyễn Thị Xuân Đ mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013145 (của ông Gi) và biên lai thu số 0013146 (của bà Đ) các biên lai cùng ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án huyện CM (đã thực hiện xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND-An Giang;
- TAND-huyện CM;
- THA- huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn